TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Võ Thị Hồng Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đình H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu S, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: đường T, Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và đơn giải quyết vắng mặt, nguyên đơn anh Trần Đình H trình bày: Vợ chồng anh chung sống với nhau không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn về nhiều vấn đề. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, anh về Bắc sinh sống còn chị V và các con ở tại thành phố T nên thống nhất ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Khôi V1, sinh ngày 28/01/2013 và Trần Khôi K, sinh ngày 06/7/2018 (hiện các con đang ở với chị V). Giao hai con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Toà giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phan Thị Thanh V trình bày: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 05/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi cưới nhau về sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chúng tôi không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn về nhiều vấn đề. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, anh H về Bắc sinh sống còn chị và các con ở tại thành phố T, không ai còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Khôi V1, sinh ngày 28/01/2013 và Trần Khôi K, sinh ngày 06/7/2018 (hiện các con đang ở với chị). Ly hôn, chị xin nhận nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Trần Đình H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Phan Thị Thanh V giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Đình H xin ly hôn với bị đơn chị Phan Thị Thanh V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn để hòa giải và xét xử nhưng nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Đình H và bị đơn chị Phan Thị Thanh V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2012, được Uỷ ban nhân dân Phường S, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2012, Quyển số 01/2012, ngày 05 tháng 4 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như các đương sự đã trình

bày, các đương sự không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn anh Trần Đình H được ly hôn với bị đơn chị Phan Thị Thanh V.

[2.2] Về con chung: Các đương sự thống nhất giao hai con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu V1. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao hai con chung tên Trần Khôi V1, sinh ngày 28/01/2013 và Trần Khôi K, sinh ngày 06/7/2018 (hiện đang ở với chị V) cho bị đơn chị Phan Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn anh Trần Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Đình H được ly hôn với bị đơn chị Phan Thị Thanh V.

Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Khôi V1, sinh ngày 28/01/2013 và Trần Khôi K, sinh ngày 06/7/2018 (hiện đang ở với chị V) cho bị đơn chị Phan Thị Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn anh Trần Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Trần Đình H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004840 ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND Phường S, TP. T, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân